

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CC
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 – 2020 V/v Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CC – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Nhàn;
2. Ông Lô Văn Vinh;

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CC – tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CC, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CC, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 97/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 492/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Th - sinh năm 1988. Vắng mặt.
2. Bị đơn: Anh Chu Văn T - sinh năm 1985. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Bản Piềng Khử, xã LK, huyện CC, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 24/02/2020, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Th trình bày: Giữa chị và bị đơn anh Chu Văn T kết hôn với nhau vào ngày 20/12/2006 tại UBND xã LK, huyện CC, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho

đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm, đánh đập nhau. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh T nghiện ma túy, bỏ bê công việc gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Việc mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng sau mỗi lần hòa giải tình cảm vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, vì vậy mà từ năm 2012 cho đến nay vợ chồng chị không còn sống chung với nhau nữa. Chị thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với bị đơn anh Chu Văn T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có hai người con chung tên là Chu Võ Tùng L, sinh ngày 25/10/2006 và Chu Võ Gia B, sinh ngày 11/5/2009. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh Chu Văn T thỏa thuận tự chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chị không vay nợ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào cũng như không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Chu Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với phần trình bày của chị Phương về thời gian, điều kiện, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, tình trạng hôn nhân của vợ chồng đúng như chị TH trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh nghiện ma túy, sau khi anh tự nguyện xin đi cai nghiện tại trung tâm 3 tháng về thì chị TH bỏ nhà ra đi, anh không hiểu chuyện gì xảy ra. Việc mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng sau mỗi lần hòa giải tình cảm vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, chị TH vẫn cứ bỏ nhà đi không quay về với bố con anh nhưng a thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, vợ chồng có thể khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm trở về đoàn tụ với nhau, xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái nên chị TH yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh không đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có hai người con chung như chị TH đã trình bày. Hiện nay cả hai con đang sống với anh. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con và yêu cầu chị TH cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng/một người con.

- Về tài sản chung: Anh và chị Võ Thị Th thỏa thuận tự chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng anh không vay nợ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào cũng như không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 9 năm 2020, cháu Chu Võ Tùng L có nguyện vọng được ở với bố, còn cháu Chu Võ Gia B có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CC phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình: xử cho chị Võ Thị Th được ly hôn với anh Chu Văn T; về con: giao con chung Chu Võ Gia B cho chị TH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu B trưởng thành, giao con chung Chu Võ Tùng L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; về tài sản: chị TH và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét; về án phí: chị Võ Thị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn: bị đơn hiện cư trú tại bản Piềng Khử, xã LK, huyện CC, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện CC, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị Th có đơn xét xử vắng nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên khi ly hôn nên theo quy định, Tòa án xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp tại UBND xã LK, huyện CC là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chị Võ Thị Th và anh Chu Văn T đăng ký kết hôn ngày 20/12/2006 tại UBND xã LK, huyện CC, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị TH và anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, Theo chị TH, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, bỏ bê việc gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Anh T cho rằng do bản thân anh nghiện ma túy nhưng lý do tại sao chị TH bỏ nhà đi và xin ly hôn anh thì anh không rõ. Mặc dù các đương sự không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đều xác định không còn tình cảm vợ chồng vì vậy mà từ năm 2012 cho đến nay hai vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Như vậy, chị TH và anh T đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng, không sống chung với nhau mà không có lý do chính đáng.

Xét thấy, giữa chị TH và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Võ Thị Th được ly hôn với anh Chu Văn T.

Về con chung: Chị TH và anh T có hai người con chung là Chu Võ Tùng L, sinh ngày 25/10/2006 và Chu Võ Gia B, sinh ngày 11/5/2009. Quá trình giải quyết vụ kiện chị TH vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T có nguyện vọng được nuôi cả hai con yêu cầu chị TH cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng/một người con.

Xét thấy khi cha, mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về vật chất và tinh thần. Như vậy nguyện vọng của chị TH và anh T là chính đáng, thể hiện tinh thần và trách nhiệm của cha mẹ dành cho con. Nhưng xem xét về điều kiện nuôi con thấy rằng: Theo như chị TH trình bày thì hiện nay chị làm nghề lao động tự do, thu nhập bình quân khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng, còn anh T hiện nay cũng làm nghề lao động tự do thu nhập bình quân khoảng

5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng. Như vậy, có thể thấy, điều kiện nuôi con của các đương sự về cơ bản tương đồng nhau. Tuy nhiên, với điều kiện kinh tế hiện nay, việc chị TH nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và anh T nhận nuôi cả hai con chung và yêu cầu chị TH cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng/một người con là chưa đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con. Vì vậy, để hài hòa giữa quyền của người cha, người mẹ và quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của các con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho anh T trực tiếp nuôi con chung Chu Võ Tùng L, giao cho chị TH trực tiếp nuôi con chung Chu Võ Gia B. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Do các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Võ Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Th được ly hôn anh Chu Văn T.

- Về con chung: Giao con chung Chu Võ Tùng L, sinh ngày 25/10/2006 cho anh Chu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi, trưởng thành; Giao con chung Chu Võ Gia B, sinh ngày 11/5/2009 cho chị Võ Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi, trưởng thành. Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh T và chị TH có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị TH, anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Võ Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị TH đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CC, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0002264 ngày 21 tháng 8 năm 2020.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Lợi

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. CC;
- Chi cục THADS H. CC;
- UBND xã LK;
- Lưu Hồ sơ, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Lợi